

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HN-ST
Ngày: 28/6/2024
V/v “Yêu cầu ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ton.

2. Ông Huỳnh Hữu Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2024 về việc “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy Q, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Bá P, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: A L, khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2023, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 11/6/2024, chị Nguyễn Thị Thùy Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá P cưới nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 01/4/2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến khoảng tháng 01/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được điểm chung trong lối sống nên chị với anh P đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với anh P nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Bá P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh P có 01 con chung tên là Nguyễn Phước D, sinh ngày 25/3/2016 hiện đang sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu D và yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2024 của Tòa án, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 17/5/2024, anh Nguyễn Bá P trình bày:*

Về hôn nhân: Anh không nhớ cụ thể thời gian anh và chị Q cưới nhau nhưng khoảng năm 2014, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, anh với chị Q sống với nhau cũng có nhiều mâu thuẫn xảy ra nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ hằng ngày, chủ yếu là về kinh tế gia đình và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện nay chị Q xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý là anh với chị Q có 01 con chung tên là Nguyễn Phước D, sinh ngày 25/3/2016. Nay ly hôn, anh đồng ý để cháu D cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy Q đối với anh Nguyễn Bá P. Về con chung: Để cháu Nguyễn Phước D, sinh ngày 25/3/2016 cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thùy Q, anh Nguyễn Bá P đều vắng mặt nhưng đều đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q, anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy Q và anh Nguyễn Bá P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Q và anh P chỉ sống hạnh phúc được thời gian đầu. Từ năm 2019 thì chị Q với anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do không giải quyết được mâu thuẫn nên vợ chồng chính thức sống ly thân cách nay hơn 02 năm. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng anh chị cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Do đó, trong suốt quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2024 của Tòa án anh P cũng thể hiện ý kiến không còn tình cảm với chị Q và cũng đồng ý ly hôn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh P là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Q với P là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Phước D, sinh ngày 25/3/2016; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Q và anh P sống ly thân, cháu D vẫn do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị Q đều yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu D. Hơn nữa, tại biên bản lấy ý kiến của Tòa án cháu D cũng có nguyện vọng sống với mẹ và tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2024, anh P cũng đồng ý để cháu D cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để cháu D cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000đ (*một triệu hai trăm ngàn đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí (hôn nhân + cấp dưỡng) sơ thẩm: 600.000đ (*sáu trăm ngàn đồng*), chị Nguyễn Thị Thùy Q và anh Nguyễn Bá P có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy Q đối với anh Nguyễn Bá P.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy Q có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước D, sinh ngày 25/3/2016. Buộc anh Nguyễn Bá P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000đ (*một triệu, hai trăm ngàn đồng*) đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 28/6/2024.

Anh P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí (hôn nhân + cấp dưỡng) sơ thẩm: 600.000đ (*sáu trăm ngàn đồng*), chị Nguyễn Thị Thùy Q và anh Nguyễn Bá P có nghĩa vụ phải nộp, cụ thể như sau:

Chị Q có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004126 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị Q đã nộp xong.

Anh P có nghĩa vụ nộp án phí cấp dưỡng sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Thùy Q, anh Nguyễn Bá P biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ, huyện M;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Chí Vũ